

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 - 2015

ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

NGÀNH KIẾN TRÚC

Sinh viên thực hiện : NGUYỄN TRUNG NGỌC

Giáo viên hướng dẫn: :Ths.KTS. NGUYỄN THẾ DUY

Hải Phòng 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Trung Ngọc

Mã số: 1312109035

Lớp: XD1701K

Ngành: Kiến trúc

Tên đề tài: Bảo tàng sinh vật biển

NHIỆM VỤ ĐỒ ÁN

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đồ án tốt nghiệp:

- Công trình phải đảm bảo nhu cầu nhu cầu về tìm hiểu kiến thức, tra cứu thông tin rèn luyện thể chất âm nhạc hội hoa... của người dân thành phố Hải Phòng, tạo nên một nơi lý tưởng để mọi người đến để tra cứu thông tin tham gia các hoạt động đó một cách thoải mái và tiện lợi, nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ ngày càng cao của xã hội, sự bùng nổ thông tin và hội nhập quốc tế.

- Công trình phải đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng

. - Công trình phải đảm bảo về mặt thẩm mỹ

. - Công trình phải đảm bảo yêu cầu trước mắt và khả năng phát triển lâu dài.

- Công trình thiết kế phải có vị trí và hình thức thu hút điểm nhìn đảm bảo tầm nhìn từ trên không và từ dưới đất.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán :

TCXDVN_4455-1987 - Tiêu chuẩn bản vẽ xây dựng Việt Nam

TCXDVN_276-2003 - Công trình công cộng - Nguyên tắc thiết kế

TCXDVN_6160-1996 - Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy nhà cao

tầng TCXDVN_293-2003 - Chống nóng nhà ở - Chỉ dẫn thiết kế

TCXDVN_333-2005 - Chiếu sáng nhân tạo công trình công cộng

TCXDVN_306-2004 - Các thông số vi khí hậu trong nhà công cộng

TCXDVN_175-2005 - Tiêu chuẩn mức ồn tối đa trong công trình công cộng

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:

Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế EVO

Địa chỉ : Tầng 6 tòa 22 Lý Tự Trọng - Minh Khai - Hải Phòng

Mail : contact@kientrucevo.com

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

Giáo viên hướng dẫn:

Họ và tên: Nguyễn Thế Duy

Học hàm, học vị : Thạc sĩ , Kiến trúc sư

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 06 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 21 tháng 09 năm 2018

Đã nhận nhiệm vụ ĐATN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐATN

Giáo viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGUYỄN *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

PHẦN I : PHẦN MỞ ĐẦU

1.1 Giới thiệu chung

1.1.1. Khái quát về biển Việt Nam

1.1.2. Lịch sử, Văn hóa

1.2 Lý do chọn đề tài

PHẦN II : NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1 Vị trí địa lý, phân tích đánh giá khu đất

2.2 Cơ sở khoa học

2.3 Nội dung nghiên cứu công trình

2.3.1 Chức năng sử dụng công trình

2.3.2 Giải pháp kiến trúc

2.3.3 Đối tượng và giới hạn nghiên cứu

2.4 Nhiệm vụ thiết kế và các phương án thiết kế công trình

2.4.1 Nhiệm vụ thiết kế

2.4.2 Các phương án thiết kế kiến trúc

- Phương án so sánh

- Phương án chọn

Những ý đồ chính của phương án

- Bộ cục tổng thể
- Bộ cục mặt bằng
- Tổ hợp hình khối kiến trúc
- Các giải pháp kỹ thuật
- **PHẦN III: KẾT LUẬN**

LỜI CẢM ƠN

Việt Nam với bờ biển dài 3260km, kéo dài từ Móng Cái đến Hà Tiên, có 28 tỉnh thành giáp biển, trên 3000 hòn đảo lớn nhỏ có tổng diện tích khoảng 1.630km² với hệ thống biển đảo như vậy, Việt Nam mang trong mình nhiều nguồn lợi về tài nguyên thủy sản, tài nguyên khoáng sản cũng như lợi thế để phát triển kinh tế cảng biển, vận tải biển và du lịch. Việt Nam còn có một nền văn hóa biển phong phú. Điều đó được thể hiện thông qua đề án tốt nghiệp "**Bảo Tàng Sinh Vật Biển**".

Được sự dạy dỗ, chỉ bảo và giúp đỡ nhiệt tình của các thầy cô giáo trong những năm học tập, tự bản thân tìm hiểu học hỏi qua các tài liệu cùng sự say mê với kiến trúc, chúng em đã thực hiện đề án này với hy vọng gửi gắm vào đó một ý tưởng kiến trúc của mình.

Có lẽ sẽ còn nhiều trở ngại với công việc thực tế trước mắt, tuy nhiên trong quá trình học tập những kiến thức thu thập được là nguồn năng lượng chính yếu tiếp sức và thúc đẩy cho công tác và học tập sau này.

Chúng em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô đã hướng dẫn, rèn luyện cho em trong năm năm qua. Đặc biệt quý thầy đã hướng dẫn, chỉ đạo cho em trong suốt quá trình làm đề án tốt nghiệp này:

THS.KTS.NGUYỄN THẾ DUY – giáo viên hướng dẫn

Và các thầy cô đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ em hoàn thành tốt đề án tốt nghiệp với đề tài: Bảo tàng sinh vật biển

Hải Phòng, 25 tháng 01 năm 2019

PHẦN: PHẦN MỞ ĐẦU

1.1 Giới thiệu chung

1.1.1 Khái quát về biển Việt Nam

Việt Nam với bờ biển dài 3.260km, kéo dài từ Móng Cái đến Hà Tiên, có 28 tỉnh thành giáp biển, trên 3.000 hòn đảo lớn nhỏ có tổng diện tích khoảng 1.630km². Với hệ thống biển đảo như vậy, Việt Nam mang trong mình nhiều nguồn lợi về tài nguyên thủy sản, tài nguyên khoáng sản, cũng như lợi thế để phát triển kinh tế cảng biển, vận tải biển và du lịch biển.

1.1.2 Lịch sử, văn hoá biển

Bên cạnh những tiềm năng kinh tế, chúng ta còn có một nền văn hóa biển hết sức phong phú, đa dạng và đầy sức hấp dẫn. Đó là những nền văn hóa khảo cổ, phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, ẩm thực, ngành nghề truyền thống, kho tàng văn học dân gian, nghệ thuật diễn xướng, tri thức dân gian... liên quan đến biển. Về văn hóa khảo cổ, sau văn hóa Hòa Bình, các nhà khảo cổ học nước ta đã phát hiện được các di chỉ khảo cổ nằm dọc bờ biển và hải đảo. Đó là các nền văn hóa: Hạ Long (Quảng Ninh), Tràng Kênh (Hải Phòng), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Quỳnh Văn (Nghệ An), Bàu Tró (Quảng Bình), Bàu Dũ (Quảng Nam), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Vĩnh Yên, Xóm Cồn, Hòa Diêm (Khánh Hòa)... Căn cứ vào những di chỉ khảo cổ này, cho thấy những cư dân ven biển và hải đảo nước ta, cách đây hàng vạn năm đã thích ứng với môi trường biển và hướng những hoạt động khai thác của mình vào các tài nguyên biển. Đồng thời, họ cũng có mối quan hệ giao lưu văn hóa mạnh mẽ với các nước ở khu vực Đông Nam Á và châu lục thông qua những con đường thương mại trên biển. Ở các vùng miền ven biển nước ta, ngư dân có những tục lệ về kiêng kỵ liên quan đến việc đánh bắt trên biển. Nó phản ánh tâm thức, quan niệm của ngư dân trong việc hành nghề, thái độ ứng xử với các nhóm, giới trong một cộng đồng. Lễ hội miền biển cũng hết sức phong phú, gắn kết với những cộng đồng cư dân biển. Từ những lễ hội chọi trâu của Đồ Sơn (Hải Phòng) gắn với nghi thức thờ Bà Đẻ, vị nữ thần biển, dấu vết của tục hiến sinh cho thủy thần; lễ hội làng Quan Lạn (Vân Đồn, Quảng Ninh), tái hiện lại trận đánh với quân Nguyên dưới sự chỉ huy của tướng Trần Khánh Dư; lễ hội đền Cờn (Quỳnh Lưu, Nghệ An) qua sự tích Tống Phi; cho đến các lễ khao lề thế

lính Hoàng Sa (Lý Sơn, Quảng Ngãi), lễ hội đầm Ô Loan (Phú Yên), lễ hội Dinh Cô (Long Hải, Bà Rịa - Vũng Tàu), lễ cúng phước biển ở Vĩnh Châu (Sóc Trăng) của đồng bào Khmer, lễ hội Dinh Cậu (Phú Quốc, Kiên Giang)... Nhiều địa phương ven biển có tổ chức lễ hội đua thuyền như ở Nhượng Bạt (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh); Làng Hà (Bảo Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình) thờ cá voi (dân gian gọi là Ông) có tổ chức hội cầu mùa (hội xuống biển) và hội tháng bảy; Làng Thai Dương Hạ (Thuận An, Phú Vang, Thừa Thiên Huế) tổ chức “trò bủa lưới” vào ngày 12 tháng Giêng âm lịch, nhằm tưởng nhớ Trương Quý Công (Trương Thiều), một người gốc Bắc khi vào đây đã dạy cho dân nghề đánh cá và buôn ghe mảnh. Sau trò trình nghề bủa lưới có tục đua trái; lễ hội đua thuyền trên đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) diễn ra từ mùng 4 đến mùng 7 tháng Giêng âm lịch. Nổi bật trong đó là lễ cúng cá Ông của cộng đồng ngư dân kéo thành một vệt dài từ Thanh Hóa vào đến tận Kiên Giang, biểu hiện sinh động của sự giao thoa văn hóa Việt - Chăm. Đây được xem là tín ngưỡng chủ đạo của dân đánh cá miền Trung và Nam bộ, thể hiện sự tri ân vị thần bảo hộ nghề đánh bắt, hướng đến đạo lý uống nước nhớ nguồn. Nó tích hợp trong mình những tín lý, nghi lễ, điện thần, di tích, diễn xướng... với những giá trị hết sức nhân văn, được xem như một “bảo tàng” văn hóa dân gian sống động. Tín ngưỡng dân gian biển Việt Nam lại là một bức tranh đa sắc màu, có sự giao thoa giữa các tôn giáo, tộc người, nền văn hóa khác nhau: Mẫu Thoải, Bà Giàng Lạch, thần Độc Cước, Cô hồn biển, Thiên Hậu Thánh Mẫu, Tứ Vị Thánh Nương, Quan Âm, Thiên Y A Na, Bà Chúa Hòn, Nam Hải Đại Vương... Trong một bản văn tế ở Quảng Nam đã có mặt đến 26 vị thần biển. Sở hữu một bờ biển dài với những ngư trường nhiều tiềm năng, ẩm thực miền biển cũng là một nét văn hóa độc đáo trong nền ẩm thực Việt. Không chỉ những đặc sản quý hiếm như sá sùng Quan Lạn (Quảng Ninh), tu hài Cát Bà (Hải Phòng), tôm Huỳnh Đế (Quảng Ngãi), sò huyết Ô Loan, ghe Sông Cầu (Phú Yên), ốc vú nàng Côn Đảo (Bà Rịa – Vũng Tàu), đôn đột (hải sâm) Phú Quốc (Kiên Giang)... mà còn nhiều món ăn dân gian khác đã đi vào cơ cấu bữa ăn của người dân vùng biển. Cá úc, cá vồ kho sả nghệ; cá com, cá trích kho đường; hay cá mai, cá liệt kho mỡ ớt ở Phú Quốc (Kiên Giang) là những món ăn mà một lần nếm là nhớ suốt đời. Người dân làng biển Cảnh Dương (Quảng Bình) có nhiều kiểu ăn cá: cá kho mặn, cá nấu chua, cá nấu lác (nấu ngót, không mặn không lạt), cá kho bở, cá một lửa, cá kho khô, cá hấp, cá chiên, cá nướng, cá luộc, cá ăn gói, cá quét

chả, cá giả cây, cá bằm viên... Chỉ riêng một gia vị hết sức bình dân được khai thác từ biển là muối mà các nghệ nhân cung đình Huế đã chế biến ra hàng chục món muối: muối rang, muối hầm, muối tiêu, muối tiêu chanh, muối ớt, muối sả, muối ruốc sả ớt, muối sả thịt, muối khế, muối thịt, muối riềng, muối gừng, muối khuyết, muối đậu phụng, muối mè, muối dầu lai... với cách chế biến rất cầu kỳ, mang đúng phong cách ẩm thực của đất thần kinh. Thật khó có thể thống kê hết các ngành nghề liên quan đến đánh bắt của ngư dân suốt dọc ven biển đất nước. Qua thời gian, những cư dân ven biển và hải đảo đã biết thích ứng với việc khai thác biển thông qua việc sáng tạo ra những ngành nghề liên quan đến biển nhằm phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng. Đó là các nghề làm muối ở Quang Lang (Thái Bình), Quỳnh Lưu, Diễn Châu (Nghệ An), Hộ Độ (Hà Tĩnh), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Tuyết Diêm (Phú Yên), Hòn Khói (Khánh Hòa), Cà Ná (Ninh Thuận), Bà Rịa, Bạc Liêu... Nhiều địa phương có nghề sản xuất nước mắm nổi tiếng như Cát Hải, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Phú Yên, Nha Trang, Phan Thiết, Phú Quốc... cung cấp cho thị trường cả trong và ngoài nước. Trong đó, nước mắm Phan Thiết và nước mắm Phú Quốc là những thương hiệu danh tiếng. Chế biến khô, làm mắm là phương thức lưu giữ hải sản lâu dài mà hầu như cư dân vùng biển nào cũng biết. Món mắm tôm chà, đặc sản của vùng biển Gò Công (Tiền Giang) làm Thái hậu Từ Dũ cứ nhớ mãi khôn nguôi khi về ở đất thần kinh, nên đã trở thành món tiến dâng cho hoàng cung. Nghề khai thác yến sào ở Cù Lao Chàm (Quảng Nam) và Nha Trang (Khánh Hòa) mang lại nguồn lợi kinh tế rất lớn cho đất nước. Yến sào làng Thanh Châu (Cù Lao Chàm) được khai thác từ thế kỷ XVII, nơi đây có ngôi miếu thờ vị tổ nghề yến với bức hoành phi ghi năm 1843. Ở Nha Trang, hiện vẫn duy trì việc thờ cúng Bà Chúa đảo yến với lễ giỗ hàng năm, hình thành nên một “văn hóa yến sào” ở Khánh Hòa. Đây là những hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo, cần được nghiên cứu và bảo tồn. Việc sử dụng ngư cụ của ngư dân ta cũng rất phong phú và đa dạng. Nơi vùng biển địa đầu của Tổ quốc, khu vực Trà Cổ (Quảng Ninh) thường dùng các loại lưới: lưới vét (lưới kéo), lưới bén, lưới cá đục, lưới tôm he, lưới cá thu, lưới sứa. Đồ Sơn có các loại ngư cụ đánh bắt như: nếu trong lộng, tức biển ven bờ thì có đáy, te, rùng (lưới cá), bóng; ngoài khơi thì có lưới giã, lưới rút, lưới rê, lưới sù, lưới chống; hình thức câu biển khơi có câu vặt, câu dăng, câu rã... Ngư cụ ở Quảng Nam lại phong phú với: xãm, giả ruốc, giả cào, mảnh chốt, mảnh mở, lưới quát, lưới cản, nghề

khơi (lưới chuồn), lờ mực, câu ống, câu giàn. Trong công trình dân tộc học khảo cứu về ghe thuyền, Voilliers d'Indochine (Thuyền buồm Đông Dương), Pietri đã ghi nhận hàng chục loại ghe thuyền của Việt Nam, suốt dọc biển từ Trà Cổ đến Hà Tiên: ghe tam bản Móng Cái, ghe lưới Hạ Long, ghe bè Thanh Hóa, ghe bè Hà Tĩnh, ghe mảnh Cửa Lò, ghe câu Cửa Lò, ghe giã Cửa Lò, ghe câu Quảng Bình, ghe bè Quảng Trị, ghe câu Cửa Việt, ghe nóc Thuận An, ghe nóc Cầu Hai, ghe nang Đà Nẵng, ghe mảnh Đà Nẵng, ghe bầu Quảng Nam, ghe bầu Quảng Ngãi, ghe giã Quy Nhơn, ghe song vành Quy Nhơn, ghe giã Bình Định, ghe nang Tam Quan, ghe lưới song Nha Trang, ghe bầu Phan Rang, ghe câu Bình Thuận, ghe bầu Mũi Né, ghe lưới rừng Phước Hải, ghe cửa Mekong, ghe câu Phú Quốc... Chỉ chừng ấy thôi, chúng ta đã có thể thành lập một bảo tàng ghe thuyền truyền thống có hạng trên thế giới với sự đa dạng, phong phú về chủng loại. Hình ảnh chiếc ghe bầu Nam Trung bộ đã trở thành “biểu tượng” cho nghề buôn cận duyên suốt mấy thế kỷ. Ghe bầu còn là phương tiện góp phần vào việc chuyển tải những giá trị văn hóa giữa các vùng miền trong cả nước. Qua đó, cho thấy cả một “dòng văn hóa ghe bầu” dịch chuyển từ Trung bộ vào đến Nam bộ trong dòng chảy lịch sử văn hóa Việt Nam trên cả hai phương diện, văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Kho tàng văn học dân gian miền biển thật phong phú, thể hiện quá trình chinh phục, tâm thế ứng xử của con người trước biển cả. Trong kho tàng ấy có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ, hò vè phản ánh quá trình lao động, mô tả thời tiết, ca ngợi tình cảm, sự giàu có của biển cả. Chúng ta có những truyền thuyết, sự tích về Lạc Long Quân - Âu Cơ, Sơn Tinh - Thủy Tinh, An Dương Vương, Mai An Tiêm, ông Khổng Lồ, vịnh Hạ Long, hòn Vọng Phu... mà ở đó dấu vết văn hóa biển biểu hiện rất rõ nét, phản ánh quá trình dựng nước và giữ nước của cha ông ta. Về Các lái là những sáng tác dân gian của dân ghe bầu bằng thể thơ lục bát trên con đường thông thương Bắc - Nam. Đây thực sự là những cảm nang đường biển, như một bức hải đồ qua bài “Nhật trình đi biển” này, giúp họ an toàn trên những chuyến đi xa, tránh được bãi đá ngầm, luồng lạch không an toàn, đồng thời ngâm nga để giải khuây lúc đi buôn đường dài. Nghiên cứu những bài về này sẽ mang đến nhiều dữ kiện phản ánh phương thức hoạt động của thương thuyền Việt Nam trên biển miền Trung từ thế kỷ XVII đến năm 1945. Nghệ thuật diễn xướng miền biển cũng không kém phần đặc sắc với các loại hình như hát đúm Hải Phòng, hò hội, hò chèo cạn, hát hò hát hỏ (Bắc Trung bộ), hát xà - hát mộc (Vạn

Ninh, Khánh Hòa), hát bả trạo, múa siêu Khánh Hội (Ninh Thuận), hát sắc bùa, hò khoan (Nam Trung bộ)... Tri thức về môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên, tri thức về sản xuất là những kinh nghiệm sống không thể thiếu được ở các vùng biển. Ngư dân có thể nói là những người nắm rất vững những quy luật về luồng cá, thời tiết, thủy triều, sóng, gió, lưới... Tháng Tám nước sa, tháng Ba nước dậy. Đi ra Nam Tào, đi vào Bắc Đẩu (kinh nghiệm ra khơi vào lộng), Tới trời ngời của Việt Nam. Trong số 138 bảo tàng trong cả nước, hiện không có bảo tàng văn hóa biển. Với chức năng bảo tồn, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể, bảo tàng văn hóa biển sẽ đem đến cho công chúng, các nhà nghiên cứu những giá trị văn hóa do cộng đồng cư dân biển bao đời nay đã sáng tạo, giữ gìn và phát huy qua những trường kỳ lịch sử. Và đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Đà Nẵng, Nha Trang là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay

.2. Lí do chọn đề tài

-Lâu nay chúng ta chỉ quan tâm nhiều đến việc khai thác các nguồn lợi từ biển mà ít chú ý đến xây dựng văn hóa, sinh vật biển.. Điều đó làm hạn chế rất nhiều việc vươn ra đại dương hội nhập với thế giới của Việt Nam. Xuất phát từ yêu cầu của đề án là phải thuộc loại công trình có cơ cấu nội dung hỗn hợp nhiều chức năng hoặc có tổ hợp nhiều công trình, diện tích sàn không quá 20.000m². (khác với quy mô và nội dung của đề án đã học) và đề án thuộc thể loại công trình mới mà các đề án trước đây chưa được đề cập tới. Từ đây em đã quyết định và chọn đề tài “ Bảo tàng sinh vật biển” - Mục tiêu: Thứ nhất: Nghiên cứu và bảo tồn các loài sinh vật biển, phát triển bảo vệ các loài quý hiếm trong sách đỏ Việt Nam Tiếp theo cũng là nơi trưng bày các mẫu hóa thạch “ tiêu bản” và các sinh vật sống tại đây. Thứ hai: Là một địa điểm thu hút khách du lịch tới Đồ Sơn, là nơi vui chơi giải trí và thăm quan, các giá trị về văn hóa Tài nguyên của Hải Phòng Thứ ba: Công trình là một điểm nhấn cũng như là một biểu tượng đặc trưng cho Hải Phòng, về mặt văn hóa du lịch.

PHẦN II. PHẦN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

II.1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ KHU ĐẤT.

-Khu đất nằm ở quận Đồ Sơn thành phố Hải Phòng.

-Khu đất xây dựng rộng 7HA nằm ở địa hình gần biển phía trước có rừng ngập mặn

-Khu đất xây dựng nằm trên trục đường đê biển của thành phố, chạy song song với trục đường 361 có vị trí thuận lợi trong việc di chuyển liên kết giữa các khu vực trung tâm thành phố và khu du lịch Đồ Sơn

-Phía Bắc : tiếp giáp với khu vực dân cư và trung tâm du lịch sinh thái rừng ngập mặn

-Phía Nam : tiếp giáp với rừng ngập mặn và vịnh Bắc Bộ

-Phía Đông : tiếp giáp với sông Hạng , trung tâm công viên và núi Đồ Sơn

-Phía Tây : tiếp giáp với khu dân cư và khu nông nghiệp kỹ thuật cao

II.2. CƠ SỞ KHOA HỌC

Sinh vật biển là các loài động vật, thực vật, vi khuẩn, vi-rút rất đa dạng sinh sống trong thế giới đại dương. Hầu hết các nhà khoa học đều cho rằng sự sống bắt nguồn từ đại dương từ khoảng 3 tỉ năm trước. Một nghiên cứu rất lớn mới đây (2012) cho rằng có khoảng hơn 700,000 cho đến gần 1 triệu loài sinh vật biển; các nhà khoa học tin rằng hơn 1/3 trong số chúng vẫn chưa được phát hiện và có khả năng sẽ được phát hiện trong thế kỷ này

Sinh vật biển xuất hiện với đủ mọi hình dáng, kích cỡ và màu sắc khác nhau; chúng sống tại những môi trường khác nhau trong đại dương bao la. Nếu coi đại dương là một miếng bánh, các sinh vật sẽ phân bố tại 5 tầng bánh khác nhau, tùy thuộc vào lượng ánh sáng, nhiệt độ và độ sâu của những “tầng bánh” này. Dù ở bất cứ đâu trong đại dương, chúng ta cũng đều tìm thấy sự sống.

•Vùng biển khơi trung (mesopelagic) : độ sâu từ khoảng 200 - 1000m: Nơi này chỉ tiếp nhận ít ánh sáng. Nhiệt độ nước ở đây lạnh hơn so với tầng khơi mặt. Những loài sống ở đây thường là các loài giáp xác và nhiều cơ như tôm, cua,...

•Vùng biển khơi sâu (bathypelagic): độ sâu từ khoảng 1000 - 4000m. Nơi đây luôn luôn tối đen, nhiệt độ nước lạnh và chỉ có một số loài động vật sinh sống. Hầu hết động

vật ở đây có tỉ lệ trao đổi chất thấp do vùng nước thiếu chất dinh dưỡng, có làn da mỏng manh, ít cơ bắp và cơ thể trơn trượt. Một số loài tiêu biểu bao gồm: mực, sao biển, bạch tuộc, cá rắn viper,... Do thiếu sáng, những loài động vật sống ở đây có đôi mắt nhỏ hoặc không có mắt, không thể nhìn thấy con mồi, vì thế chúng thích nghi bằng cách phát triển miệng rộng và răng dài ra, ví dụ như con lươn gulper. Cá tại đây di chuyển chậm và có mang khỏe để lấy oxy từ nước.

- Vùng biển khơi sâu thẳm (abyssalpelagic) : độ sâu từ 4000 – 6000m. Nhiệt độ ở vùng biển này dưới 2 độ C, nước mặn, áp lực nước cao. Nhưng vẫn có sự sống tồn tại ở đây, ví dụ như sâu biển, nhím biển. Khá nhiều loài có phát quang sinh học.
- Vùng đáy vực khơi tối (hadalpelagic) : độ sâu từ 6000-10000m, là nơi sâu nhất, tối nhất và lạnh lẽo nhất của đại dương. Chỉ có rất ít sinh vật tồn tại ở đây, như hải sâm, nhện biển, bọt biển,...

II.3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CÔNG TRÌNH

II.3.1. CHỨC NĂNG SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH.

Là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá sinh vật biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Mục đích của viện bảo tàng là giáo dục, học tập, nghiên cứu và thỏa mãn trí tò mò tìm hiểu về quá khứ

Tạo không gian công cộng cho người dân ,góp phần tăng sức hút du lịch cho vùng biển Đồ Sơn , thành phố Hải Phòng.

II.3.2. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

Giải pháp kiến trúc:

Với kết cấu đơn giản nhưng không quá đơn điệu, công trình kết hợp bởi vật liệu kính, bê tông và vật liệu nhẹ

* Khu đón tiếp:

Khu đón tiếp thực sự là một sự khởi đầu, một sự giới thiệu tổng thể nhất toàn bộ công trình, với diện tích rất rộng và mở

* Khu trưng bày triển lãm

Khu trưng bày khánh tiết sẽ giúp khách tham quan có thể tham quan và biết về lịch sử sinh vật biển đảo

II.3.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ GIỚI HẠN NGHIÊN CỨU.

a/ Đối tượng sử dụng:

* Người dân và cả nước: Công trình sẽ là điểm văn hóa lành mạnh thu hút nhân trong và ngoài nước vào các dịp lễ hội hay các kỳ nghỉ. Ngoài ra, nhân dân cả nước.

* Khách du lịch: Khách du lịch quốc tế đang dần biết đến một vùng đất Châu á đang chuyển mình, sự hấp dẫn kỳ diệu của văn hóa Phương Đông nói chung và biển Việt nam nói riêng đang là điều mà nhiều nhà nghiên cứu quan tâm đến. Bên cạnh đó, chính sách du lịch trong các nước khu vực của tổ chức Asean cũng làm tăng thêm lượng khách du lịch đến Việt nam.

b/ Giới hạn nghiên cứu:

-Là đặc trưng về sinh vật biển của miền Đồ Sơn nói riêng và cả miền Bắc nói chung

II.4. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG ÁN THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH

II.4.1. NHIỆM VỤ THIẾT KẾ.

1. Bộ phận đón tiếp và phục vụ khách

▪ sảnh chính :	~158 m2
▪ chỗ gửi mũ áo :	~12 m2
▪ Dịch vụ thông tin (đồ lưu niệm) :	~29m2
▪ Phòng tiếp khách :	~24 m2
▪ Phòng hướng dẫn viên và thuyết minh:	~24 m2
▪ Phòng tư liệu tranh ảnh :	~29 m2
▪ Khu giải lao và giải khát:	~66m2
▪ Quầy bán và diện tích phụ trợ :	~12m2
▪ Khu vệ sinh cho khách :	~32m2
▪ Wc (nam,nữ) :	~180m2

2. Bộ phận trưng bày:

▪ không gian khánh tiết :	~160m2
▪ Diện tích trưng bày cố định :	~1046m2

* Bao gồm nội dung:

1) Trưng bày các mẫu vật tính chất lý hóa học tiêu biểu cho các loại san hô, động vật thân mềm, động vật phù du

+ Rạn san hô : 3 nhóm chính

- San hô cứng : 6 kiểu hình dáng

- San hô sừng

- San hô mềm

+ Động vật thân mềm

- Động vật chân bụng

- Động vật chân đầu

2) Không gian trưng bày động vật tiêu bản động vật giáp xác và da gai

3) Không gian trưng bày tiêu bản các loại cá voi và động vật biển lớn

▪ Diện tích trưng bày định kỳ: ~520m2

1) Không gian trưng bày chuyên đề

2) Không gian trưng bày tiêu bản các loại cá rạn san hô và loài cá nguy hiểm

- Cá rạn san hô :

+ Cá cảnh : Cá hải quỳ , cá bươm , cá thần tiên..

+ Cá làm thực phẩm : Cá chim, cá thu

+ Cá nguy hiểm : Cá đuối, cá mập ...

3) Không gian trưng bày bò sát biển và các mẫu vật kinh tế lớn

+ Bò sát biển :

- Rùa biển

- Rắn biển

+ Thú biển :

- Cá heo

- Bò biển

▪ Diện tích trưng bày tiêu bản lớn:

~780m2

+ Trưng bày xương các voi lung gù

+ Tôm khổng lồ Devan

+ Trai ốc Melovan

+ Thần lẩn cá

+ Động vật biển

▪ Các diện tích đệm (chuyển tiếp và nghỉ chân) :

45-60m2

3. Bộ phận nghiệp vụ và hành chính quản trị :

- Sảnh : 52m²
 - Tiếp nhận vật phẩm : : 15-18m²
 - Sửa chữa và phục chế hiện vật: 18-24m²/phòng
 - Kho tổng hợp (gồm 2-3 loại kho ,tùy theo tính chất và quy mô vật phẩm mà bố trí diện tích các kho) : :120m²
 - Kho bảo quản vật phẩm : : 35m²
 - Phòng kỹ thuật bảo quản vật phẩm : : 15-18m²
 - Phòng họp nội bộ nhân viên : : 50m²
 - Các phòng làm việc và nghiệp vụ của bảo tàng: 22m²/phòng
 - Kho vật tư và dụng cụ: : 24m²
 - Khu vệ sinh và thay đồ nhân viên (nam,nữ): : 15-18m²/khu
 - Tổng 642m²
- Tổng diện tích sử dụng :
- Tổng diện tích tầng 1 : ~2986 m²
- Tổng diện tích tầng 2 : ~855 m²
- Tổng S sàn : ~3841 m²
- Diện tích giao thông : ~6390m²
- Diện tích cây xanh ,mặt nước : ~16209m²
- Tổng diện tích khu đất : ~38683m² (3.8ha)

PHẦN III: KẾT LUẬN

Đây cũng sẽ là điểm đến thú vị cho du khách trong và ngoài nước muốn khám phá văn hóa biển của Việt Nam, góp phần phát triển du lịch biển đảo. Hải Phòng là những thành phố hội tụ đầy đủ các điều kiện để thành lập một bảo tàng như thế. Trước mắt, có thể khởi động từ việc xã hội hóa bảo tàng, tức hình thức bảo tàng tư nhân, trong khi chờ Chính phủ phê duyệt kế hoạch quy hoạch lại mạng lưới bảo tàng ở Việt Nam sau năm 2020. Hơn nữa, trong tương lai gần, chúng ta cũng cần tính tới việc thành lập một viện nghiên cứu văn hóa biển. Một dân tộc muốn đi đến tương lai một cách vững chắc phải biết lưu giữ những ký ức tốt đẹp, nhất là giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa biển, “thế yếu” của chúng ta lâu nay.